

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 943/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2025

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Cơ: C
	Ngày: 19/5/2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 02/2020/UBTVQH14, ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại Tờ trình số 2212/TTr-BNV ngày 09 tháng 5 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

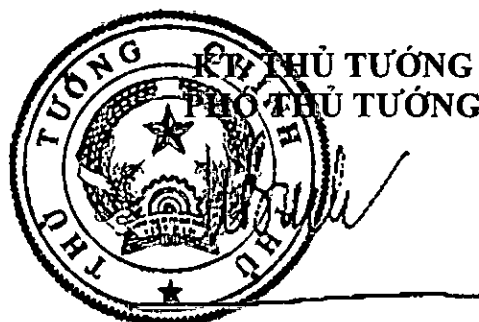
Điều 1. Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" cho 33 liệt sĩ thuộc Bộ Công an và các tỉnh, thành phố: Bắc Ninh, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Quảng Trị (danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

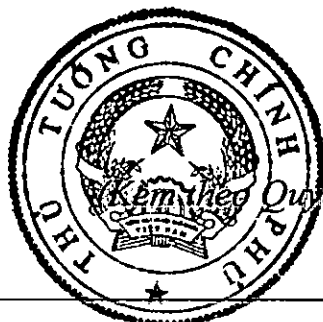
Điều 3. Bộ trưởng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TTg, PTTg TT Nguyễn Hòa Bình;
- Bộ Nội vụ;
- VPCP: BTCN, PCN Trịnh Mạnh Linh,
TGĐ Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (2b), LHN (6 b).



Nguyễn Hòa Bình



DANH SÁCH CẤP BẰNG TỔ QUỐC GHI CÔNG

Kèm theo Quyết định số 943/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	TT	Họ tên	Cấp bậc, chức vụ, đơn vị	Nguyên quán/Trú quán	Ngày hy sinh
1 - BỘ CÔNG AN					
1		Phan Tấn Tài	Đại úy, Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy, Công an Quận 6, TP Hồ Chí Minh	608/15, An Dương Vương, phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	02/8/2021
2 - TỈNH BẮC NINH					
2	1.	Nguyễn Đức Bảo	Thương binh hạng 1/4 tỷ lệ thương tật 91%	Phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	03/6/2024
3	2.	Nguyễn Văn Sinh	Thương binh hạng 1/4 tỷ lệ thương tật 91%	Phường An Phú, thị xã Kim Môn, tỉnh Hải Dương	30/4/2024
4	3.	Nguyễn Đăng Đơn	Thương binh hạng 1/4 tỷ lệ thương tật 81%	Phường Hà Mãn, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	01/9/2024
3 - TỈNH HÀ TĨNH					
5	1.	Trần Công Khanh	Thương binh 1/4 tỷ lệ thương tật 81%	Xã Bùi Xá, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	15/11/2020

6	2.	Võ Quang Tuệ	Đoàn Phó Đoàn TNLD trường cấp 2 xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	17/6/1965
7	3.	Thái Văn Dưỡng	Thượng sĩ, Đại đội 21	Xã Sơn Hòa (nay là xã An Hòa Thịnh), huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	08/6/1968
4 - TỈNH HẢI DƯƠNG					
8	1.	Nguyễn Hữu Xiêm	Du kích xã Tân Việt	Thôn Vạn Tuế, xã Tân Việt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	25/8/1951
9	2.	Vũ Bá Kinh	Du kích xã Tân Việt	Thôn Vạn Tuế, xã Tân Việt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	22/9/1949
10	3.	Hoàng Văn Ấu	Trung đội trưởng, Du kích xã Tân Việt	Phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	07/08/2023
11	4.	Nguyễn Văn Định	Phó Giám đốc Nhà Thiếu nhi, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	Phường Chí Minh, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	23/7/2019
5 - TỈNH HẢI PHÒNG					
12	1.	Nguyễn Ngọc Cường	Thương binh hạng 1/4 tỷ lệ thương tật 83%	Xã Quyết Tiến, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	19/3/2024
13	2.	Vũ Hồng Diễn	Thương binh hạng 2/4 tỷ lệ thương tật 71%	Xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	16/10/2024
14	3.	Đào Xuân Cay	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam	Xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	02/9/1967
15	4.	Vũ Văn Hành	Hạ sĩ, Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam	Xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	06/11/1971

16	5.	Đồng Xuân Toái	Đội viên Du kích xã Hoa Động	Xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	1951
17	6.	Lê Văn Tiến	Đội viên Du kích xã Dương Quan	Xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	11/1951
18	7.	Vũ Văn Pháo	Du kích xã Kiến Thiết	Xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	10/1950
19	8.	Phạm Văn A	Du kích xã Kiến Thiết	Xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	08/4/1954
6- TP. HỒ CHÍ MINH					
20	1.	Nguyễn Văn Mừng	Cấp ủy xã An Nhơn Tây	Xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	20/4/1968
21	2.	Nguyễn Thành Lâm	Binh nhất, Chiến sĩ	Xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	26/01/1986
22	3.	Lê Văn Tân	Binh nhất, Chiến sĩ	Xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh	17/7/1981
23	4.	Nguyễn Văn Bòn (Bòn Em)	Tiểu đội phó, Công an huyện Củ Chi	Xã Trung Lập, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	9/1969

7 - TỈNH KIÊN GIANG					
24	1.	Diệp Văn Bảy	Công nhân viên Quốc phòng	Phường Vĩnh Thông, thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	25/12/1977
25	2.	Lưu Tấn Sĩ	Xã đội trưởng	Xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	20/7/1963
26	3.	Nguyễn Văn Hà	Tổ viên tổ sưu tầm nguyên liệu	Xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	03/01/1969
27	4.	Nguyễn Thanh Sang	Thương binh tỷ lệ thương tật 51,25%	Xã Nam Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	12/5/1985
28	5.	Lê Văn Lợi	Y tá	Xã Vĩnh Hòa Thạnh, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	09/3/1973
29	6.	Nguyễn Văn Thuận	Thương binh 2/4 tỷ lệ thương tật 61%	Xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	13/11/1992
30	7.	Nguyễn Thanh Hải	Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam	Thị trấn Thới 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	1987

8 - TỈNH QUẢNG BÌNH					
31	1.	Nguyễn Văn Chính	Thương binh hạng 1/4 tỷ lệ thương tật 81%	Xã Hải Thọ, huyện Triệu Hải, tỉnh Bình Trị Thiên	23/10/2020
9 - TỈNH QUẢNG NGÃI					
32	1.	Nguyễn Hữu	Du kích thôn Cổ Lũy	Xã Tĩnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi)	05/11/1969
10 - TỈNH QUẢNG TRỊ					
33	1.	Nguyễn Văn Bá	A trưởng tự vệ xã đội Phong Thái (nay là xã Triệu Phước)	Thôn Phước Lễ, Xã Triệu Phước, huyện Triệu Hải, tỉnh Quảng Trị	06/4/1947